

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2022

V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi  
con"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Tấn P**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn N**

2. Ông **Nguyễn Phương T**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị T** – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên tòa:* Không tham gia

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Số 6/8, ấp TH, xã THh, huyện LH, tỉnh VL.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Dương Vũ Q**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số 6/8, ấp TH, xã TH, huyện LH, tỉnh VL.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị H và anh Q trên cơ sở quen biết nhau tiến tới hôn nhân, có làm đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2013 tại UBND xã TH, huyện LH, tỉnh VL.

Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cự cãi với nhau, hay ghen và đã sống ly thân cho đến nay.

Nay chị Huyền nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q .

**Về con chung:** có con chung tên Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 19/8/2013. Khi ly hôn chị H đồng ý giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng và chị H không cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết./.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Dương Vũ Q trình bày:* Anh Q thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân và không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Về con chung: có con chung tên Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 19/8/2013. Hiện đang sống chung với anh Q. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Q đồng ý nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết;

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Tại phiên tòa hôm nay: có mặt các đương sự.

- Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến và yêu cầu của mình.

- Bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Dương Vũ Q quen biết nhau đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2013 tại UBND xã TH, huyện LH, tỉnh VL là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Tòa án xét thấy: chị H và anh Q chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm sống với bên chồng và chị H đã về nhà chị H sống cho đến nay. Anh Q thừa nhận mâu thuẫn do phát sinh từ gia đình anh nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cãi thường xuyên và hiện nay không còn sống chung nữa. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 19/8/2013 hiện nay đang sống cùng với anh Q. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu B cho anh Q nuôi dưỡng. Xét chị H giao con cho anh Q nuôi dưỡng và anh Q cũng đồng ý nuôi con, nguyện vọng của cháu B là sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn nên giao con chung cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Dương Vũ Q.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 19/8/2013, cho anh Nguyễn Dương Vũ Q được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003921 ngày 16/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADSHLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Tấn Phong**